

SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP II VÀ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ tư 14/06/2023 7 giờ - 11 giờ	Thạc sĩ	4B	Chẩn đoán hình ảnh	45	Chẩn đoán hình ảnh.(45)
				49	Chẩn thương chỉnh hình.(49)
		4C	Ngoại khoa	93	Ngoại khoa.(28) Ngoại - nhi.(2) Ngoại thần kinh - sọ não.(23)
					Ngoại - lồng ngực.(17) Ngoại thận và tiết niệu.(23)
		5A	Nhân khoa	25	Nhân khoa.(25)
			Tai mũi họng	45	Tai - Mũi - Họng.(45)
			Ung thư	20	Ung thư.(20)
		5B	Sản phụ khoa	93	Sản phụ khoa.(93)
		5C	Công nghệ dược phẩm - bào chế	36	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(36)
			Dược liệu - Dược học cổ truyền	13	Dược liệu - Dược học cổ truyền(13)
			Kiểm nghiệm thuốc - độc chất	8	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(8)
			Quản lý dược	41	Tổ chức Quản lý dược(41)
		5D	Khoa học y sinh	33	Giải phẫu bệnh.(12) Sinh lý học.(4) Vi sinh y học.(6)
					Giải phẫu học.(2) Hóa sinh.(5) Sinh lý bệnh - Miễn dịch học(4)
			Nhi khoa	59	Nhi khoa.(59)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ tư 14/06/2023 7 giờ - 11 giờ	Thạc sĩ	6A	Nội khoa	110	Nội khoa.(110)
		6B		106	Nội khoa.(22) Lão khoa.(43) Huyết học và truyền máu.(4) Thần kinh.(20) Tâm thần.(10) Phục hồi chức năng.(7)
		6C		92	Da liễu.(92)
		6D	Lao và Truyền nhiễm	8	Truyền nhiễm.(6) Lao.(2)
			Gây mê hồi sức	18	Gây mê hồi sức.(18)
			Xét nghiệm y học	65	Kỹ thuật xét nghiệm y học.(65)
		7D	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa	81	Điều dưỡng(81)
		9A1	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	31	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(31)
		9A2	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền	49	Y học cổ truyền.(49)
		9B	Y tế công cộng	38	Y học dự phòng.(16) Y tế công cộng.(22)
		9C	Răng Hàm Mặt tổng quát	35	Răng - Hàm - Mặt(35)
		ĐGD_Y	Dược lý và Dược lâm sàng	129	Dược lý và dược lâm sàng(129)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ tư 14/06/2023 7 giờ - 11 giờ	Chuyên khoa cấp II	7A	Chẩn đoán hình ảnh	6	X quang(6)
			Chẩn thương chỉnh hình	14	Chẩn thương chỉnh hình.(14)
			Giải phẫu bệnh	1	Giải phẫu bệnh.(1)
			Ngoại khoa	8	Ngoại khoa.(8)
			Ngoại lồng ngực	4	Ngoại - lồng ngực.(4)
			Ngoại nhi	3	Ngoại - nhi.(3)
			Ngoại niệu	2	Ngoại thận và tiết niệu.(2)
			Ngoại thần kinh	12	Ngoại thần kinh - sọ não.(12)
			Nhân khoa	7	Nhân khoa.(7)
			Sản phụ khoa	25	Sản phụ khoa.(25)
			Tai mũi họng	14	Mũi họng(13) Thính học(1)
			Ung thư	12	Ung thư.(12)
		7B	Da liễu	2	Da liễu.(2)
			Gây mê hồi sức	11	Gây mê hồi sức.(11)
			Hóa sinh	1	Hóa sinh.(1)
			Hồi sức cấp cứu	11	Hồi sức cấp cứu.(11)
			Huyết học	3	Huyết học.(3)
			Lao	5	Lao.(5)
			Lão khoa	6	Lão khoa.(6)
			Nhi khoa	25	Nhi - Sơ sinh.(6) Nhi - Tiêu hóa.(4) Nhi - Hô hấp.(3) Nhi - Tim mạch.(5) Nhi - Thần kinh.(1) Nhi - Hồi sức(4) Nhi: Huyết học - Ung bướu(2)
			Nội Khoa	15	Nội tiêu hóa(5) Nội hô hấp(4) Nội thận - tiết niệu(1) Nội tim mạch(5)
			Nội tiết	13	Nội tiết.(13)
			Tâm thần	4	Tâm thần.(4)
			Thần kinh	8	Thần kinh.(8)
			Truyền nhiễm	3	Truyền nhiễm.(3)
		7C	Quản lý dược	15	Tổ chức Quản lý dược(15)
			RHM chuyên ngành	9	Răng - Hàm - Mặt(9)
			Tổ chức quản lý y tế	2	Quản lý y tế(2)
			Y học cổ truyền	5	Y học cổ truyền.(5)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ tư 14/06/2023 12 giờ 30 - 16 giờ	Thạc sĩ	4B	Giải phẫu	94	Chấn thương chỉnh hình.(49) Chẩn đoán hình ảnh.(45)
		4C		93	Ngoại khoa.(28) Ngoại - nhi.(2) Ngoại thần kinh - sọ não.(23) Ngoại - lồng ngực.(17) Ngoại thận và tiết niệu.(23)
		5A		102	Tai - Mũi - Họng.(45) Giải phẫu bệnh.(12) Nhân khoa.(25) Ung thư.(20)
		5B		97	Sinh lý học.(4) Sản phụ khoa.(93)
		5C	Hóa hữu cơ	98	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(36) Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(8) Dược liệu - Dược học cổ truyền(13) Tổ chức Quản lý dược(41)
		ĐGD_Y		129	Dược lý và dược lâm sàng(129)
		5D	Sinh lý	76	Vi sinh y học.(6) Nhi khoa.(59) Giải phẫu học.(2) Hóa sinh.(5) Sinh lý bệnh - Miễn dịch học(4)
		6A		110	Nội khoa.(110)
		6B		106	Nội khoa.(22) Lão khoa.(43) Huyết học và truyền máu.(4) Thần kinh.(20) Tâm thần.(10) Phục hồi chức năng.(7)
		6C		92	Da liễu.(92)
		6D		91	Gây mê hồi sức.(18) Truyền nhiễm.(6) Lao.(2) Kỹ thuật xét nghiệm y học.(65)
		7D		81	Điều dưỡng(81)
		9A1		31	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(31)
		9A2		49	Y học cổ truyền.(49)
		9B	Dịch tễ học cơ bản	38	Y học dự phòng.(16) Y tế công cộng.(22)
		9C	Nha khoa cơ sở	35	Răng - Hàm - Mặt(35)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Thứ tư 14/06/2023 12 giờ 30 - 16 giờ	Chuyên khoa cấp II	7A	Tiếng Anh	81	Ngoại khoa.(6)	Ngoại - nhi.(1)	Ngoại thần kinh - sọ não.(9)
					Ngoại - lồng ngực.(2)	Ngoại thận và tiết niệu.(2)	Chấn thương chỉnh hình.(8)
					Nhân khoa.(4)	Sản phụ khoa.(13)	Tổ chức Quản lý dược(13)
					Ung thư.(9)	Mũi họng(9)	Thính học(1)
					X quang(3)	Giải phẫu bệnh.(1)	
		7B		73	Lão khoa.(4)	Gây mê hồi sức.(6)	Nội tiêu hóa(3)
					Nội hô hấp(2)	Nội thận - tiết niệu(1)	Nội tim mạch(3)
					Nội tiết.(8)	Hồi sức cấp cứu.(5)	Nhi - Sơ sinh.(3)
					Nhi - Tiêu hóa.(1)	Nhi - Hô hấp.(3)	Nhi - Tim mạch.(3)
					Nhi - Thần kinh.(1)	Nhi - Hồi sức(3)	Y học cổ truyền.(3)
					Răng - Hàm - Mặt(5)	Nhi: Huyết học - Ung bướu(1)	Da liễu.(2)
					Hóa sinh.(1)	Huyết học.(2)	Lao.(5)
					Tâm thần.(3)	Thần kinh.(4)	Truyền nhiễm.(1)

Ghi chú:

- Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng ngày giờ quy định:
 - Sáng: 7 giờ
 - Chiều: 12 giờ 30 phút
- Khi đi thi sinh phải mang đủ:
 - Giấy báo dự thi và Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.
- Địa điểm giảng đường thi:
 - Giảng đường 4A, 4B, 4C,.....9A1, 9A2, 9B, 9C: thuộc tòa nhà 15 tầng.
 - Giảng đường 1 (GĐ1), Giảng đường 2 (GĐ2): thuộc dãy nhà A.
 - Đại Giảng đường (ĐGD_Y): thuộc dãy nhà D.